TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15/10/2018.
V/v Ly hôn

. **NHÂN DANH**
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Lý Công Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Hòa**

2. Ông **Trần Huy Tùng**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Nguyễn Chí Hướng** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Lý Út Hoài** – Kiểm sát viên

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2018/TLST-HNGĐ ngày 09.7.2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 28.9.2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị Kim Q**, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Bị đơn:* Ông **Lâm Chanh T**, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn bà Lâm Thị Kim Q trình bày:

Bà và ông Lâm Chanh T kết hôn với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 11/02/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T vướng vào tệ nạn cờ bạc, không tôn trọng mẹ bà và vợ chồng thường hay cãi nhau với mức độ ngày càng trầm trọng nên đến đầu năm 2016 thì bà và ông T ly thân cho đến nay.

Trong quá trình chung sống bà và ông T không có con chung; Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Không có.

Nay bà Lâm Thị Kim Q yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Chanh T; Về tài sản chung, con chung và nợ chung: Bà Q xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Lâm Chanh T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lâm Chanh T nhưng ông T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Q và không đến tham gia phiên họp để công bố chứng cứ, phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 01/6/2018, bà Lâm Thị Kim Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lâm Chanh T có nơi cư trú tại ấp G, xã L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Lâm Chanh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn Lâm Thị Kim Q:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Kim Q và ông Lâm Chanh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/02/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Q ông T là hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bị đơn không quan tâm đến gia đình, ham chơi cờ bạc và mâu thuẫn kéo dài đến đầu năm 2016 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà Q làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà Q, ông T đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Q, ông T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà Q xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị Kim Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lâm Thị Kim Q chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Lâm Chanh T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Kim Q được ly hôn với ông Lâm Chanh T.

2. Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị Kim Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị Kim Q chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002702, ngày 04/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lâm Chanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Lâm Chanh T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn T.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKS huyện Trần Đề;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Trần Đề;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Lý Công Minh